TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỀN HẢI** **Tỉnh Thái Bình**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 23/10/2019
V/v: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Mã Siêu.
2. Bà Trương Thị Ngoãn.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện VKSND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXX- ST ngày 30/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1974.
Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thái Bình.
2. Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1972.
Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thái Bình.
(Chị N, anh C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Thị Hồng N trình bày: Chị và anh C kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh ngày 28/11/1998. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Từ đầu tháng 7 năm 2019 cho đến nay chị và anh C sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có một con chung là Hà Duy T, sinh ngày 07/5/2001. Con chung đã trên 18 tuổi nên chị N không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Hà Văn C trình bày:

Anh và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1998. Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, thỉnh thoảng vợ chồng có cãi chửi nhau nhưng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn. Tháng 7/2019 chịN tự bỏ nhà để về quê chị N ở Quảng Ninh sinh sống, anh đã ba lần ra tìm chị N về nhưng chị N không về. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh, xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là Hà Duy T, sinh ngày 07/5/2001. Con chung đã trên 18 tuổi, anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Trong quá trình làm việc tại Tòa án, anh C không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và C nợ. Tại phiên tòa, anh C đề nghị chị N phải thanh toán trả anh C số tiền mà anh em, bạn bè của anh đã mừng đám cưới cho con riêng của chịN.

Tại biên bản xác minh ngày 20/9/2019, Ủy ban nhân dân xã G cung cấp như sau: Anh C và chị N đăng ký kết hôn tại tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về sinh sống tại Thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống, do chị N đi làm công nhân, còn anh C ở nhà nhưng hay ghen với chị N nên vợ chồng xảy ra va chạm, mâu thuẫn trong nhiều năm. Chị N hiện tại đã về quê đẻ ở Quảng Ninh sinh sống. Việc chị N có đơn xin ly hôn anh C, quan điểm chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh C có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thái Bình và vẫn sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phạm Thị Hồng N được ly hôn anh Hà Văn C; về con chung: Không đặt ra giải quyết; về tài

sản chung: Không giải quyết; về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được tranh tụng tại phiên tòa cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Hà Văn C có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại điều 39 Bộ luật Tố tụng dân , vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" giữa chị Phạm Thị Hồng N và anh Hà Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Hà Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị C, tỉnh Quảng Ninh. Tại thời điểm kết hôn, chị N và anh C đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị N và anh C đã xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh C mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, hiện tại anh C và chị N không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Quan điểm của anh C mong muốn vợ chồng đoàn tụ, mặc dù khi chị N về quê ở Quảng Ninh sinh sống, anh C đã ba lần ra tìm chị N về nhưng chị N không về và không muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, chị N không muốn khắc phục mâu thuẫn để về chung sống cùng anh C. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Hà Văn C có một con chung là Hà Duy T, sinh ngày 07/5/2001. Con chung của chị N và anh C đã trên mười tám tuổi nên không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ: Nguyên đơn chị N không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản C nợ. Tại phiên tòa, anh C đề nghị ch ịN phải thanh toán trả anh C số tiền mà anh em, bạn bè của anh đã mừng đám cưới cho con riêng của chịN. Theo quy định tại điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên trong quá trình làm việc tại Tòa án, anh C không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, C nợ và anh C cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của anh C. Vì vậy, tại

phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết yêu cầu của anh C về việc đòi chịN phải thanh toán trả anh C số tiền mà anh em, bạn bè của anh đã mừng đám cưới cho con riêng của chị N trong vụ án hôn nhân và gia đình.

[2.4]. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Hồng N được ly hôn với anh Hà Văn C.

2/ Về con chung: Không giải quyết.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0009217 ngày 08/8/2019.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/10/2019).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Chu Thị Linh

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu.